

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2019/DS-ST**
Ngày: 02/8/2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hui*”

NHÂN Danh

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Hồ Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiAg.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Huỳnh Duy A, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B2-16 L, khu phố 6, phường A, Tp. R, Kiên Giang.

2. *Bi đơn:* Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1966 (có mặt).

Ông Trần Thái T1, sinh năm 1967 (có mặt)

ĐKTT: Số nhà 10 - 6C đường T, khu phố 3, phường V, Tp. R, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Quốc lộ 80, xã B, huyện C, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Duy A trình bày: anh A có tham gia chơi 02 phần hui của dây hui 5.000.000 đồng/tháng do bà T, ông T1 làm chủ hui, hui áp vào ngày 15/3/2018 âm lịch, gồm có 17 phần, có 13 hui viên, hui xổ đến lần thứ 10 thì bà T, ông T1 tuyên bố bế hui. Sau khi bế hui bà T có làm tờ thỏa thuận xác định nợ tiền hui gốc và lãi là 80.000.000 đồng và hẹn trả 02 lần, lần 01 vào ngày 29/3/2019 sẽ trả 40 triệu đồng, lần 2 trong vòng 02 tháng tiếp theo sẽ trả đủ, nhưng đến nay bà T, ông T1 vẫn không trả nợ.

Anh A xác định khi tham gia chơi hui bà T, ông T1 có giao cho anh A danh sách hui viên, anh A đã đóng được 10 lần hui sống thì bế hui và mỗi lần xổ hui anh A

đều có mặt, chỉ có 01 lần là không có mặt; số tiền thực tế đã đóng cho bà T, ông T1 của 02 phần hội là 63.400.000 đồng. Anh A xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội là 16.600.000 đồng.

Nay anh A yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải trả số tiền hội gốc là 63.400.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại tòa trình ngày 18/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 trình bày: Ngày 15 tháng 3 năm 2018 âm lịch bà T, ông T1 có làm chủ hội, đây hội 5.000.000 đồng/tháng, một tháng xố 01 lần, A tham gia 02 phần hội vẫn còn sống. Đây hội xố đến lần thứ 10 thì bẻ hội vào ngày 15/11/2018 âm lịch. Số tiền A đã đóng hội 10 kỳ hội sống của 02 phần hội tổng cộng được là 63.400.000 đồng.

Bà T, ông T1 xác định sau khi bẻ hội ông bà có làm tờ thỏa thuận còn nợ của A số tiền hội gốc và lãi là 80.000.000 đồng, nhưng không ghi số tiền gốc và lãi cụ thể là bao nhiêu và tờ thỏa thuận là do bà T tự viết và tự ký tên tại nhà bà T, khi viết tờ thỏa thuận chỉ có bà T và anh A, ngoài ra không có ai chứng kiến; mục đích bà T, ông T1 viết tờ thỏa thuận là do những người nợ tiền hội hứa sẽ trả cho vợ chồng bà nhưng không trả, do đó vợ chồng bà không có tiền trả cho anh A. Lý do bị bẻ hội là do những hội viên sau khi hốt hội không đóng lại tiền hội chết cho vợ chồng bà, nên không có khả năng trả tiền hội cho người khác và ông bà đã tuyên bố bẻ hội.

Nay bà T, ông T1 đồng ý trả cho anh A số tiền hội đóng thực tế của 02 phần hội là 63.400.000 đồng. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chúng tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ pháp luật tranh chấp: Đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy anh Huỳnh Duy A và bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 đã phát sinh giao dịch dân sự góp họ, hội vào 15 tháng 3 năm 2018 âm lịch. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ để giải quyết vụ án.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận anh Huỳnh Duy A có tham gia chơi 02 phần hụi dây hụi do bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 làm chủ hụi áp ngày 15/3/2018 âm lịch, hụi 01 tháng xỏ 01 lần là 5.000.000 đồng, gồm có 17 phần và 13 hụi viên là hụi có lãi và hưởng hoa hồng, xỏ đến lần thứ 10 thì bể hụi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hai bên đều thống nhất tổng số tiền thực tế anh A đã đóng của 02 phần hụi sống là 63.400.000 đồng. Xét thấy việc tham gia chơi hụi giữa anh A và bà T, ông T1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại các Điều 17, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và tại Điều 29 có quy định về trách nhiệm của chủ hộ do không giao các phần hụi cho thành viên được lĩnh hụi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc bà T, ông T1 còn nợ anh A số tiền hụi 63.400.000.000 đồng là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà T, ông T1 có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Duy A số tiền hụi gốc là 63.400.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Duy A xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi là 16.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Duy A là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Duy A về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải trả số tiền nợ hụi là 16.600.000 đồng.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Duy A đối với bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Duy A số tiền hụi gốc là 63.400.000 đồng.

[4] Về thời gian trả nợ: Bà T, ông T1 yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng anh A không chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp bà T, ông T1 có khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 63.400.000 đồng là: $63.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.170.000 \text{ đồng}$.

Bà T, ông T1 có đơn xin miễn giảm án phí ngày 17/7/2019 và được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí bà T, ông T1 phải nộp là: 3.170.000 đồng x 50% = 1.585.000 đồng.

Anh Huỳnh Duy A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001631 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 688; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; các Điều 17, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Duy A về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ, họ” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1.
- Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Duy A số tiền họ gốc là 63.400.000 đồng (*sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Duy A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 trả số tiền họ là 16.600.000 đồng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ qua thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Trần Thái T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.585.000 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Huỳnh Duy A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001631 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAD tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP

